

PL02: PHỤ LỤC ĐIỀU CHỈNH, PHÂN BỐ DỰ TOÁN NĂM 2026 CÁC ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP KHI THỰC HIỆN SẮP XẾP

(Kèm theo Nghị quyết số: 24 /NQ-HĐND ngày 14/9/2026 của Hội đồng nhân dân xã Đại Sơn)

ĐVT: Đồng

STT	Tên đơn vị	ĐIỀU CHỈNH GIẢM							
		Mã nguồn	Tổng dự toán được sử dụng	Trong đó			Số đã chi	Số tiết kiệm theo NQ 135/NQ-CP	Số còn lại
				Dự toán năm trước chuyển sang	Dự toán được giao đầu năm	Dự toán bổ sung tăng (giảm) trong năm			
A	B	D	1=2+3+4	2	3	4	5		6=1-5
I	KHỐI MÀM NON		8.208.681.640	0	6.644.000.000	1.564.681.640	6.184.682.730		2.023.998.910
	MN Bình Lãng	12	2.012.681.640		371.000.000	1.641.681.640	1.854.640.640		158.041.000
		13	5.932.329.000		6.009.329.000	-77.000.000	4.330.042.090		1.602.286.910
		18	263.671.000		263.671.000				263.671.000
		28	0					77.000.000	
II	KHỐI TIỂU HỌC		24.625.651.750	0	19.365.000.000	5.260.651.750	17.937.285.923	202.000.000	6.688.365.827
1	Tiểu học Đại Đồng	Cộng	10.794.343.738	0	8.552.000.000	2.242.343.738	7.715.335.010	106.000.000	3.079.008.728
		12	2.320.716.680		152.000.000	2.168.716.680	2.294.536.680		26.180.000
		13	8.104.937.058		8.031.310.000	73.627.058	5.420.798.330		2.684.138.728
		18	368.690.000		368.690.000				368.690.000
		28	0					106.000.000	
2	Tiểu học Kỳ Sơn	Cộng	6.401.842.550	0	5.064.000.000	1.337.842.550	4.759.036.513	57.000.000	1.642.806.037
		12	1.452.091.178		177.000.000	1.275.091.178	1.400.254.178		51.837.000
		13	4.735.669.372		4.672.918.000	62.751.372	3.358.782.335		1.376.887.037
		18	214.082.000		214.082.000				214.082.000
		28	0					57.000.000	
3	Tiểu học Bình Lãng	Cộng	7.429.465.462	0	5.749.000.000	1.680.465.462	5.462.914.400	39.000.000	1.966.551.062
		12	1.424.267.520		141.180.000	1.283.087.520	1.393.063.951		31.203.569
		13	5.792.688.942		5.395.311.000	397.377.942	4.069.850.449		1.722.838.493
		18	212.509.000		212.509.000				212.509.000
		28	0					39.000.000	
III	KHỐI THCS CƠ SỞ		11.353.229.544	0	5.116.000.000	6.237.229.544	7.115.568.044		4.237.661.500
1	Trung học cơ sở Bình Lãng	12	6.454.726.800		418.000.000	6.036.726.800	3.905.067.175		2.549.659.625
		13	4.705.789.744		4.505.287.000	200.502.744	3.210.500.869		1.495.288.875
		18	192.713.000		192.713.000				192.713.000
		28	0					39.000.000	

ĐVT: Đồng

ĐIỀU CHỈNH TĂNG								
Tên đơn vị	Mã nguồn	Tổng dự toán được sử dụng	Trong đó			Số đã chi	Số tiết kiệm theo NQ 135/NQ-CP	Số còn lại
			Dự toán năm trước chuyển sang	Dự toán được giao đầu năm	Dự toán bổ sung tăng (giảm) trong năm			
<i>E</i>	<i>G</i>	<i>7=8+9+10</i>	<i>8</i>	<i>9</i>	<i>10</i>	<i>11</i>		<i>12=7-11</i>
	Cộng	8.208.681.640	0	6.644.000.000	1.564.681.640	6.184.682.730	77.000.000	2.023.998.910
MN Hưng Đạo	12	2.012.681.640		371.000.000	1.641.681.640	1.854.640.640		158.041.000
	13	5.932.329.000		6.009.329.000	-77.000.000	4.330.042.090		1.602.286.910
	18	263.671.000		263.671.000				263.671.000
	28	0					77.000.000	
		24.625.651.750	0	19.365.000.000	5.260.651.750	17.937.285.923	202.000.000	6.688.365.827
Tiểu học Đại Sơn	Cộng	17.196.186.288	0	13.616.000.000	3.580.186.288	12.474.371.523	163.000.000	4.721.814.765
	12	3.772.807.858	0	329.000.000	3.443.807.858	3.694.790.858		78.017.000
	13	12.840.606.430	0	12.704.228.000	136.378.430	8.779.580.665		4.061.025.765
	18	582.772.000		582.772.000	0	0		582.772.000
	28						163.000.000	0
Tiểu học Hưng Đạo	Cộng	7.429.465.462	0	5.749.000.000	1.680.465.462	5.462.914.400	39.000.000	1.966.551.062
	12	1.424.267.520		141.180.000	1.283.087.520	1.393.063.951		31.203.569
	13	5.792.688.942		5.395.311.000	397.377.942	4.069.850.449		1.722.838.493
	18	212.509.000		212.509.000				212.509.000
	28	0					39.000.000	
	71	11.353.229.544	0	5.116.000.000	6.237.229.544	7.115.568.044	39.000.000	4.237.661.500
Trung học cơ sở Hưng Đạo	12	6.454.726.800		418.000.000	6.036.726.800	3.905.067.175		2.549.659.625
	13	4.705.789.744		4.505.287.000	200.502.744	3.210.500.869		1.495.288.875
	18	192.713.000		192.713.000				192.713.000
	28	0					39.000.000	

DVT: Đồng

SỐ SAU ĐIỀU CHỈNH								
Tên đơn vị	Mã nguồn	Tổng dự toán được sử dụng	Trong đó			Số đã chi	Số tiết kiệm theo NQ 135/NQ-CP	Số còn lại
			Dự toán năm trước chuyển sang	Dự toán được giao đầu năm	Dự toán bổ sung tăng (giảm) trong năm			
<i>H</i>	<i>K</i>	<i>13=14+15+16</i>	<i>14</i>	<i>15</i>	<i>16</i>	<i>17</i>		<i>18=13-17</i>
		20.906.515.966	0	16.907.000.000	3.999.515.966	15.327.562.631	205.000.000	5.578.953.335
MN Hưng Đạo	12	5.086.515.966		882.000.000	4.204.515.966	4.746.157.466		340.358.500
	13	15.116.329.000		15.321.329.000	-205.000.000	10.581.405.165		4.534.923.835
	18	703.671.000		703.671.000				703.671.000
	28	0					205.000.000	
		40.646.716.266	0	31.451.000.000	9.195.716.266	29.839.993.848	349.000.000	10.806.722.418
Tiểu học Đại Sơn	Cộng	17.196.186.288	0	13.616.000.000	3.580.186.288	12.474.371.523	163.000.000	4.721.814.765
	12	3.772.807.858	0	329.000.000	3.443.807.858	3.694.790.858		78.017.000
	13	12.840.606.430	0	12.704.228.000	136.378.430	8.779.580.665		4.061.025.765
	18	582.772.000		582.772.000				582.772.000
	28						163.000.000	
Tiểu học Hưng Đạo	Cộng	23.450.529.978	0	17.835.000.000	5.615.529.978	17.365.622.325	186.000.000	6.084.907.653
	12	5.386.077.920		380.180.000	5.005.897.920	5.259.619.243		126.458.677
	13	17.305.057.058		16.695.425.000	609.632.058	12.106.003.082		5.199.053.976
	18	759.395.000		759.395.000				759.395.000
	28	0					186.000.000	
		24.471.350.146	0	15.499.000.000	8.972.350.146	16.114.067.215	165.000.000	8.357.282.931
Trung học cơ sở Hưng Đạo	12	9.816.717.600		1.338.000.000	8.478.717.600	6.709.148.321		3.107.569.279
	13	14.059.112.546		13.565.480.000	493.632.546	9.404.918.894		4.654.193.652
	18	595.520.000		595.520.000				595.520.000
	28	0					165.000.000	